

CÔNG BỐ TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM, HÀNG HÓA'
Số: 123

Doanh nghiệp: **TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX - CTCP**
Địa chỉ: Số 229, Tầng 18 và 19 phố Tây Sơn, P. Ngã Tư Sở, Quận Đống Đa – TP. Hà Nội
Điện thoại: 024 38513205
Fax: 024 38513207
Email: plc@petrolimex.com.vn

CÔNG BỐ:

- Tiêu chuẩn: **TCCS 123:2022/PLC
DẦU NHỜN ĐỘNG CƠ
PLC CATER EXPRO**
- Áp dụng cho sản phẩm, hàng hóa:
Dầu nhờn động cơ PLC CATER EXPRO

Mã số: 2710

Doanh nghiệp cam kết sản xuất, kinh doanh sản phẩm, hàng hóa theo đúng tiêu chuẩn công bố nêu trên.

Hà nội, ngày 19 tháng 07 năm 2022

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP



TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Quang Tuấn

TIÊU CHUẨN CƠ SỞ

TCCS 123:2022/PLC

**DẦU NHỜN ĐỘNG CƠ PLC CATER EXPRO
- YÊU CẦU KỸ THUẬT**

Hà Nội – 2022

MỤC LỤC

	Trang
Lời nói đầu	
1. Phạm vi áp dụng	1
2. Tiêu chuẩn trích dẫn	1
3. Yêu cầu kỹ thuật	1
4. Thông tin bổ sung	2
5. Các yêu cầu khác	2


14636

DÔNG T
DẤU
OLIM
TCP

1 - TP

LỜI NÓI ĐẦU

Tiêu chuẩn Dầu nhờn động cơ **PLC CATER EXPRO** số hiệu: TCCS 123:2022/PLC do Tổng công ty Hoá dầu Petrolimex – CTCP (PLC) biên soạn và ban hành.

 PETROLIMEX TỔNG CÔNG TY HOÁ DẦU PETROLIMEX	DẦU NHỜN ĐỘNG CƠ PLC CATER EXPRO	<u>TCCS 123:2022/PLC</u> Lần soát xét : 01 Ngày hiệu lực : 19/07/2022
---	---	--

DẦU NHỜN ĐỘNG CƠ PLC CATER EXPRO YÊU CẦU KỸ THUẬT

1. **Phạm vi áp dụng:** Tiêu chuẩn này áp dụng cho Dầu nhờn động cơ **PLC CATER EXPRO** do Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex – CTCP (PLC) sản xuất. Sản phẩm đạt cấp chất lượng API: CK-4/SN và cấp độ nhớt SAE: 20W-50 dùng cho động cơ xăng và động cơ diesel 4 thì.

2. **Tiêu chuẩn trích dẫn:**

TT	KÝ HIỆU	TÊN TIÊU CHUẨN
1	ASTM D445	Phương pháp thử xác định Độ nhớt động học
2	ASTM D2270	Phương pháp thử xác định Chỉ số độ nhớt, min
3	ASTM D92	Phương pháp thử xác định Nhiệt độ chớp cháy
4	ASTM D97/ ASTM D6749	Phương pháp thử xác định Nhiệt độ đông đặc
5	ASTM D95	Phương pháp thử xác định Hàm lượng nước
6	ASTM D892	Phương pháp thử xác định Đặc tính tạo bọt
7	ASTM D2896	Phương pháp thử xác định TBN
8	ASTM D4951/ ASTM D5185	Phương pháp thử xác định Hàm lượng kim loại
9	ASTM D130	Phương pháp thử xác định khả năng ăn mòn tấm đồng
10	ASTM D4055	Phương pháp xác định hàm lượng cặn pentan
11	TCVN 6777 (ASTM D4057)	Sản phẩm dầu mỏ - Phương pháp lấy mẫu thủ công
12	QCVN 14:2019/BKHCN	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về dầu nhờn động cơ đốt trong
13	Nghị định 43/2017/NĐ-CP	Nghị định về nhãn hàng hóa
14	Thông tư 21/2007/TT-BKHCN	Hướng dẫn về xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn

3. **Yêu cầu kỹ thuật:**

3.1. Tiêu chuẩn này qui định các chỉ tiêu chất lượng cho Dầu nhờn động cơ **PLC CATER EXPRO** như sau:

- Cấp chất lượng API: **CK-4/SN**,
- Cấp độ nhớt SAE: **20W-50**.

3.2. Yêu cầu đối với nguyên liệu chính:

- Dầu gốc: Gốc dầu mỏ.
- Phụ gia: Phụ gia dùng cho dầu động cơ đảm bảo phù hợp các quy định về an toàn, sức khỏe, môi trường và không gây hỏng cho động cơ cũng như hệ thống tồn trữ, bảo quản, vận chuyển và phân phối sản phẩm.

3.3. Các chỉ tiêu chất lượng của dầu nhớt động cơ **PLC CATER EXPRO**:

TÊN CHỈ TIÊU	PHƯƠNG PHÁP THỬ	PLC CATER EXPRO
1. Độ nhớt động học ở 100°C, cSt	ASTM D445	18,0 ÷ 20,0
2. Chỉ số độ nhớt, min	ASTM D2270	120
3. Nhiệt độ chớp cháy, °C, min	ASTM D92	220
4. Nhiệt độ đông đặc, °C	ASTM D97/ ASTM D6749	Báo cáo
5. Hàm lượng nước, %TT, max	ASTM D95	0,05
6. Đặc tính tạo bọt ở 93,5 °C ml/ml, max	ASTM D892	50/0
7. Ăn mòn tấm đồng, max	ASTM D130	1
8. Hàm lượng cặn pentan, %KL, max	ASTM D4055	0,1
9. TBN, mg KOH/g, min	ASTM D2896	7,0
10. Tổng hàm lượng kim loại (Ca, Mg, Zn), % KL, min	ASTM D4951	0,1

Trên đây là các số liệu tiêu biểu thu được thông thường được chấp nhận trong sản xuất nhưng không phải là thông số kỹ thuật cố định.

3.4. Lấy mẫu: Theo TCVN 6777 (ASTM D4057)

4. Thông tin bổ sung:

4.1. Ghi nhãn, vận chuyển và bảo quản: Theo TCCS 50:2018/PLC.

4.2. Bao gói: Dầu nhớt động cơ **PLC CATER EXPRO** được đóng gói theo dung tích ghi trên bao bì. Thông thường: Xá, Phuy 209 lít, Thùng 18 và 25 lít, Hộp 1 lít, 5 lít và 6 lít.

5. Các yêu cầu khác:

5.1. Chứng nhận chất lượng hàng hoá: Theo Chứng chỉ chất lượng cụ thể của từng lô hàng do các Phòng thử nghiệm VILAS 017 hoặc VILAS 022 cấp khi gia nhận hàng hoá.